TÒA PHÚC THẨM **TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO** **TẠI ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **101**/2026/HS-PT
Ngày: 17/3/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA PHÚC THẨM TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn Thường**

Các thẩm phán: Ông **Trần Đức Kiên**

Ông **Đặng Kim Nhân**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Duy Hoàng**, Thư ký Tòa phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Quách Đức Dũng**, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 3 năm 2026, tại điểm cầu Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng kết nối với điểm cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 296/2025/TLPT-HS ngày 15 tháng 12 năm 2025 đối với bị cáo Ngô Thị Bích L về tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo:

Ngô Thị Bích L, sinh ngày: 18/4/1986 tại tỉnh Đắk Lắk; số căn cước công dân: 066186001559 do Cục trưởng Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 13/04/2021; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (nay là xã S, tỉnh Quảng Ngãi); nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Hồng S (Chết) và bà Phạm Thị Thu H (Chết); bị cáo chưa có chồng, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/11/2023; hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam số 1 Công an tỉnh Q; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Anh Nguyễn Hoàng Quốc D1, sinh năm 1986; địa chỉ: thôn T, xã S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 11 năm 2021, Ngô Thị Bích L quen biết và bán cho ông Nguyễn Duy H1 thửa đất số 920, tờ bản đồ số 22, địa chỉ: Xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi với giá 400.000.000 đồng; L và H1 thỏa thuận, thống nhất chỉ viết giấy xác nhận việc mua bán đất, không lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật mà L vẫn đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để L bán lại cho người khác thu lợi nhuận giúp H1. Ngày 15 tháng 01 năm 2022, L tiếp tục bán cho H1 thửa đất số 626, tờ bản đồ số 6, địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi với giá 450.000.000 đồng, H1 đặt cọc trước cho L số tiền 50.000.000 đồng, H1 thiếu nợ L 400.000.000 đồng, L và H1 thoả thuận, thống nhất khi nào L bán thửa đất số 920 tại xã N giúp H1 thì sẽ lấy tiền từ việc bán thửa đất này để thanh toán cho L số tiền 400.000.000 đồng mà H1 còn thiếu; đồng thời, L vẫn đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 626 tại xã H để L bán lại cho người khác thu lợi nhuận giúp H1. Ngày 16 tháng 01 năm 2022, H1 và L lập hợp đồng mua bán đất để xác nhận việc mua bán 02 thửa đất trên. Cuối tháng 01 năm 2022, L bán giúp H1 thửa đất số 920 tại xã N với giá 450.000.000 đồng. H1 trả L số tiền 400.000.000 đồng mà H1 thiếu nợ L khi mua thửa đất số 626 tại xã H. Còn lại 50.000.000 đồng thì H1 và L thoả thuận, thống nhất khi nào L bán giúp H1 thửa đất số 626 tại xã H thì sẽ thanh toán hết. Sau đó, L tiếp tục bán giúp H1 thửa đất số 626 tại xã H với giá 550.000.000 đồng. Đến lúc này, L giữ của H1 số tiền 600.000.000 đồng, H1 và L thoả thuận, thống nhất L giữ giúp H1 số tiền này để tiếp tục đầu tư bất động sản.

Đầu tháng 02 năm 2022, L thông báo với H1 "Có người cần bán thửa đất số 183, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi với giá 980.000.000 đồng, giá này rất rẻ, anh tranh thủ được thì mua trước, nếu không thì người khác mua mất", H1 trả lời "hiện giờ H1 chưa đủ tiền để mua", L nói "H1 có bao nhiêu tiền thì đưa L trước bấy nhiêu để L đưa tiền cọc trước cho chủ đất, số tiền còn lại thì L góp chung với H1". L và H1 thoả thuận, thống nhất H1 và L góp tiền mua chung thửa đất số 183 tại xã T và để L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này, khi muốn bán, sang nhượng thì L phải thông báo và được sự đồng ý của H1. Ngày 07 tháng 02 năm 2022, H1 đến Ngân hàng A nộp tiền 02 lần vào tài khoản ngân hàng M, số tài khoản 666888777999, mang tên Ngô Thị Bích L của L với tổng số tiền 170.000.000 đồng (Lần 1: 50.000.000 đồng, lần 2: 120.000.000 đồng), đây là tiền mà H1 góp thêm với L để mua thửa đất số 183 tại xã T. Tổng số tiền mà H1 góp chung với L để mua thửa đất số 183 tại xã T là 770.000.000 đồng (Bao gồm: 600.000.000 đồng do L giữ của H1 trước đó và 170.000.000 đồng chuyển khoản), còn lại L góp số tiền 210.000.000 đồng. Ngày 04 tháng 3 năm 2022, L thanh toán tiền mua thửa đất này. Lúc này, do thiếu tiền trả nợ và tiêu xài nên L không thông báo và chưa được sự đồng ý của H1 nhưng L nhờ ông Nguyễn S1 (Là tài xế của L) đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 183 tại xã T khi sang tên chuyển nhượng mua bán với mục đích sẽ nhờ S1 thế chấp quyền sử dụng thửa đất này vay tiền ngân hàng giúp L, S1 đồng

ý. Ngày 09 tháng 3 năm 2022, S1 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 183 tại xã T. L nhờ S1 thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này vay tiền tại ngân hàng H4 - Phòng giao dịch huyện S với số tiền 900.000.000 đồng, L và S1 thoả thuận, thống nhất việc thanh toán khoản vay do L chịu trách nhiệm. Sau khi được ngân hàng giải ngân số tiền này thì S1 đưa hết tiền mặt cho L, L sử dụng tiêu xài hết số tiền này. Đến cuối tháng 3 năm 2023, L tiếp tục nhờ S1 làm thủ tục tái cấp lại khoản vay trên và nâng hạng mức vay lên 1.100.000.000 đồng, số tiền thừa ra từ việc nâng hạn mức đối với khoản vay này là 200.000.000 đồng. Sau khi được ngân hàng giải ngân số tiền này thì S1 đưa hết tiền mặt cho L, L sử dụng tiêu xài hết số tiền này.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, H1 hỏi L có mua thửa đất số 183 tại xã T chưa thì L nói dối với H1 là đã mua và L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này như thoả thuận với H1. Đồng thời, L nhờ người quen dẫn H1 đi xem vị trí thửa đất số 183 tại xã T để H1 tin tưởng nhằm che giấu việc L đã tự ý thế chấp ngân hàng vay tiền sử dụng cá nhân. Sau đó, L nói với H1 "khi nào H1 đưa thêm cho L số tiền 210.000.000 đồng thì L sẽ lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất qua cho H1", H1 đồng ý. Lúc này, L và H1 lập, ký xác nhận Hợp đồng mua đất chung đối với thửa đất số 183 tại xã T cho đúng thực tế trước đó. Cuối tháng 02 năm 2023, H1 mượn được số tiền 210.000.000 đồng nên hẹn gặp L để giao tiền và yêu cầu L sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 183 tại xã T cho H1 nhưng L cố tình trốn tránh. Lúc này H1 yêu cầu L bán thửa đất này đề thu hồi tiền vốn nhưng L không thực hiện. Đến tháng 4 tháng 2023, H1 biết L nhờ S1 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 183 tại xã T và thế chấp vay ngân hàng nên H1 làm đơn tố cáo hành vi của L.

Ngoài ra, Ngô Thị Bích L còn có hành vi chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Trần Văn D2, bà Nguyễn Thị Kiều H2 dưới hình thức chuyển nhượng quyền sử dụng đất để nhờ vay ngân hàng giúp nhưng sau khi vay thì chiếm đoạt, cụ thể như sau:

Tháng 11 năm 2022, vợ chồng ông Trần Văn D2, bà Nguyễn Thị Kiều H2 cần tiền trả nợ nên muốn thế chấp thửa đất số 394, tờ bản đồ số 37, địa chỉ: Xã T, huyện S để vay ngân hàng nhưng không vay được vì D2 bị nợ xấu ngân hàng. Sau đó, thông qua người quen, vợ chồng D2 quen biết với bị cáo Ngô Thị Bích L nên nhờ L đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này để vay ngân hàng giúp vợ chồng D2 số tiền 500.000.000 đồng, hai bên thoả thuận, thống nhất là vợ chồng D2 có trách nhiệm thanh toán khoản vay, sau khi hoàn tất việc thanh toán khoản vay thì L phải làm thủ tục sang tên lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này lại cho vợ chồng D2. Vợ chồng D2 giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất này cho L cất, giữ để L liên hệ ngân hàng thẩm định mức vay. Cuối tháng 11 năm 2022 đến đầu tháng 12 năm 2022, vợ chồng D2 mượn của L tổng số tiền 490.000.000 đồng để trả nợ cá nhân và thoả thuận khi nào L vay tiền ngân hàng giúp vợ chồng D2 thì sẽ trả cho L số tiền này. Ngày 05 tháng 12 năm 2022, vợ chồng D2 và L đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi để ký, xác lập "HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT" có chứng thực của UBND xã T để Liễu đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất

số 394 tại xã T thế chấp vay tiền ngân hàng giúp vợ chồng D2, thực tế giữa vợ chồng D2 và L không có giao dịch mua bán thửa đất này. Ngày 08 tháng 12 năm 2022, L được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q - Chi nhánh huyện S xác nhận đứng tên quyền sử dụng thửa đất trên. Sau đó, vợ chồng D2 thay đổi ý định ban đầu, nhờ L vay giúp số tiền 1.000.000.000 đồng thì L đồng ý.

Lúc này, do thiếu tiền trả nợ và tiêu xài nên L nảy sinh ý định sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của vợ chồng D2, do L đứng tên để vay tiền ngân hàng và chiếm đoạt. Ngày 05 tháng 01 năm 2023, L sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 394 tại xã T thế chấp vay Ngân hàng H4 Chi nhánh Q - Phòng giao dịch huyện S số tiền 2.500.000.000 đồng. Trong ngày, L được ngân hàng giải ngân số tiền này vào tài khoản ngân hàng V1, số tài khoản 027100104813 mang tên Nguyễn Hoàng Quốc D1 của anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 (quen biết với L từ trước). Do trước đó, L mượn D1 số tiền 1.700.000.000 đồng để trả nợ và tiêu xài cá nhân, L biết D1 phải rút tiền đang gửi tiết kiệm tại ngân hàng để cho L mượn thì sẽ bị mất tiền lãi tiết kiệm nên L thoả thuận với D1 sau khi ngân hàng giải ngân 2.500.000.000 đồng thì L trả cho D1 1.700.000.000 đồng và cho D1 50.000.000 đồng để bù lại tiền lãi tiết kiệm mà D1 đã mất. Số tiền còn lại thì Dương chuyển lại vào tài khoản H4 của L, sau đó L chuyển trả nợ cho nhiều người và tiêu xài hết số tiền này.

Cuối tháng 01 đến tháng 02 năm 2023, vợ chồng ông D2 nhiều lần hỏi L đã vay ngân hàng giúp vợ chồng ông D2 được chưa thì L đều nói dối là chưa vay được, với nhiều lý do khác nhau như thiếu giấy tờ xác nhận như giấy độc thân, hiện nay vay tiền rất khó... Đầu tháng 3 năm 2023, vợ chồng ông D2 (bên A), L (bên B) lập, ký xác nhận vào "BIÊN BẢN THỎA THUẬN CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ TÀI SẢN GẮN LIỀN VỚI ĐẤT NHỜ ĐỨNG TÊN VAY NGÂN HÀNG KHÔNG VÌ MỤC ĐÍCH CHUYỂN NHƯỢNG MUA BÁN" để hợp thức hóa nội dung đã thỏa thuận bằng lời nói trước đó, đồng thời D2 trả cho L 20.000.000 đồng, số tiền còn lại mà D2 mượn L trước đó là 470.000.000 đồng. Sau đó, vợ chồng D2 biết L đã thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 394 tại xã T của mình để vay ngân hàng số tiền 2.500.000.000 đồng sử dụng cá nhân nên làm đơn tố cáo hành vi của L.

* Kết quả định giá tài sản:

Kết luận định giá tài sản số: 20/KL-HĐĐGTS ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Ngãi kết luận giá trị của thửa đất số 394, tờ bản số 37, địa chỉ: Xã T, huyện S vào thời điểm tháng 01 năm 2023 có giá trị: 3.302.923.000đồng (Ba tỷ ba trăm lẻ hai triệu chín trăm hai mươi ba nghìn đồng).

Kết luận định giá tài sản số: 217/KL-HĐĐGTS ngày 12 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự tỉnh Quảng Ngãi kết luận giá trị của thửa đất số 183, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi (cũ), diện tích 1.436,2m^2 tại thời điểm tháng 3/2022 là 980.000.000đồng.

* Việc tạm giữ đồ vật, tài liệu:

- Thu giữ của Ngô Thị Bích L:

+ 02 Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nhờ đứng tên vay ngân hàng không vì mục đích chuyển nhượng.

+ 02 Hợp đồng uỷ quyền

+ 01 Biên bản thỏa thuận ba bên.

Thu giữ của Trần Văn D2:

+ 01 Biên bản thỏa thuận chuyển nhượng quyền sử dụng đất mục đích đứng tên trên GCNQSDĐ để nhờ đứng tên vay ngân hàng không vì mục đích chuyển nhượng hay mua bán tài sản thực tế.

+ 01 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất.

+ 01 Biên bản thỏa thuận ba bên.

- Thu giữ của Nguyễn Duy H1:

+ 02 Giấy nộp tiền của ngân hàng A.

+ 01 Hợp đồng mua bán.

+ 01 Hợp đồng mua bán đất chung.

- Thu giữ của Nguyễn S1:

+ Sao kê tài khoản ngân hàng H4 số 321704070000783 tên Nguyễn S1 từ ngày 26/10/2021 đến ngày 25/6/2023, gồm 07 (bảy) tờ giấy A4.

+ Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất có chứng thực của Văn phòng C1 thuộc thành phố Q đề số công chứng 03398 ngày 04/3/2022, gồm 03 (ba) tờ giấy A4.

+ Bản phô tô Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 183, tờ bản đồ số 1, địa chỉ: xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

+ Hóa đơn giá trị gia tăng của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Q số 0000000.

- Thu giữ của Nguyễn Hoàng Quốc D1:

+ 04 (bốn) trang sao kê tài khoản ngân V1 số 02710011040813 tên Nguyễn Hoàng Quốc D1, từ ngày 28/11/2022 đến ngày 28/12/2022.

+ 05 (năm) trang sao kê tài khoản ngân V1 số 02710011040813 tên Nguyễn Hoàng Quốc D1, từ ngày 28/12/2022 đến ngày 28/01/2023.

* Về dân sự:

+ Bị hại Nguyễn Duy H1 yêu cầu bị cáo Ngô Thị Bích L trả lại số tiền 770.000.000 đồng cho bị hại.

+ Bị hại Trần Văn D2 yêu cầu bị cáo thanh toán toàn bộ khoản vay của bị cáo tại Ngân hàng H4 - Phòng giao dịch huyện S và sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 394 tại xã T lại cho D2. Sau đó, D2 sẽ thanh toán số tiền 470.000.000 đồng cho L và trả thêm cho bị cáo L 150.000.000đồng tiền lãi suất Ngân hàng.

+ Đối với khoản vay của bị cáo L tại Ngân hàng H4 -Phòng giao dịch huyện S thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 394 tại xã T: Tổng dư nợ gói vay nêu trên đến ngày 12/9/2024 là 3.206.840.495 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Ngô Thị Bích L phạm tội *"Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*".

Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Thị Bích L 13 (Mười ba) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (Ngày 27/11/2023).

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

2.1 Buộc bị cáo Ngô Thị Bích L trả lại cho anh Nguyễn Duy H1 số tiền 770.000.000đồng.

2.2 Buộc bị cáo Ngô Thị Bích L trả lại cho vợ chồng anh Trần Văn D2 và chị Nguyễn Thị Kiều H2 thửa đất số 394, tờ bản đồ số 37, diện tích 1507,7m^2 tại xã T, huyện S (nay là xã T) tỉnh Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DI 617379 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q cấp ngày 17/11/2022. Vợ chồng anh Trần Văn D2 và chị Nguyễn Thị Kiều H2 có nghĩa vụ đi đăng ký quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 394, tờ bản đồ số 37, diện tích 1507,7m^2 tại xã T, huyện S (nay là xã T) tỉnh Quảng Ngãi theo bản án này.

2.3 Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của vợ chồng anh Trần Văn D2, chị Nguyễn Thị Kiều H2, vợ chồng anh Trần Văn D2, chị Nguyễn Thị Kiều H2 trả lại cho bị cáo Ngô Thị Bích L số tiền 620.000.000đồng (Trong đó tiền gốc: 470.000.000 đồng và tiền lãi: 150.000.000đồng) để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án của bị cáo.

2.4 Buộc bị cáo Ngô Thị Bích L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau đây phải trả lại tiền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (H4), cụ thể:

2.4.1 Buộc bị cáo Ngô Thị Bích L phải trả lại số tiền 531.000.000đồng.

2.4.2 Buộc anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 phải trả lại số tiền 1.750.000.000đồng.

2.4.3 Buộc anh Phạm Ngọc P phải trả lại số tiền 100.000.000đồng,

2.4.4 Buộc anh Ngô Thanh H3 phải trả lại số tiền 5.000.000đồng,

2.4.5 Buộc anh Hoàng Công Đ phải trả lại số tiền 24.000.000đồng,

2.4.6 Buộc anh Phan Ngọc V phải trả lại số tiền 10.000.000đồng,

2.4.7 Buộc anh Trương Văn C phải trả lại số tiền 80.000.000đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 19/11/2025, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 có đơn kháng cáo về phần dân sự, không chấp nhận việc phải trả lại số tiền 1.750.000.000 đồng cho Ngân hàng Thương mại cổ phần phát triển thành phố H.

Đại diện Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với hồ sơ vụ án và các chứng cứ khác nên có đủ cơ sở xác định:

Từ cuối năm 2021, bị cáo Ngô Thị Bích L đã nhận tài sản của các bị hại bằng các hình thức như: Góp vốn để nhận chuyển nhượng các thửa đất nhằm chuyển nhượng lại kiếm lợi nhuận đối với bị hại Nguyễn Duy H1, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng giúp cho bị hại Trần Văn D2, Nguyễn Thị Kiều H2. Tuy nhiên, do cần tiền tiêu xài và trả nợ nên bị cáo không thực hiện theo thoả thuận mà đưa ra các thông tin gian dối với các bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản tổng giá trị là 4.072.923.000đồng.

Bị cáo Ngô Thị Bích L là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình. Bị cáo đã có hành vi nhận tài sản của các bị hại thông qua các hình thức thoả thuận góp vốn, vay tiền giúp nhưng sau khi nhận được tài sản của các bị hại, bị cáo không thực hiện theo thoả thuận mà tự ý thế chấp để vay tiền tiêu xài và trả nợ, sau đó đưa ra các thông tin gian dối với các bị hại nhằm mục đích chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã xét xử bị cáo Ngô Thị Bích L phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 4 Điều 175 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Quốc D1; Hội đồng xét xử thấy rằng:

Quá trình điều tra, xác định bị cáo L đã sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 394 tại xã T của vợ chồng anh D2, chị H2 để thế chấp cho Ngân hàng H4 - Phòng giao dịch huyện S vay số tiền 2.500.000.000 đồng. Sau đó, ngân hàng giải ngân số tiền này vào tài khoản Ngân hàng V1 của Nguyễn Hoàng Quốc D1 và L trả nợ cho Nguyễn Hoàng Quốc D1 số tiền 1.750.000.000 đồng, số tiền còn lại là 750.000.000 đồng, D1 chuyển khoản lại vào tài khoản H4 của L, L chuyển cho Lê Tú U 500.000.000đồng nhờ U rút tiền mặt đưa cho L tiêu xài cá nhân. Đối với số tiền 1.750.000.000 đồng mà bị cáo L trả nợ cho anh Nguyễn Hoàng Quốc D1, số tiền này do bị cáo L phạm tội mà có, anh D1 không có quyền sở hữu số tiền này. Do đó, buộc anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 phải trả lại số tiền 1.750.000.000 đồng này cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H.

Quyền lợi dân sự chính đáng của anh D1 (khoản nợ 1.700.000.000 đồng) đã được bản án sơ thẩm ghi nhận, anh D1 có quyền khởi kiện đến Toà án có thẩm quyền yêu cầu bị cáo Ngô Thị Bích L trả lại tiền bằng vụ án dân sự khác.

[3] Từ những phân tích trên: Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp với đề nghị của Viện Công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng.

[4] Theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 và giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2025/HS-ST ngày 04/11/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

2. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Buộc bị cáo Ngô Thị Bích L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan sau đây phải trả lại tiền cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Phát triển Thành phố H (H4), cụ thể: Buộc anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 phải trả lại số tiền 1.750.000.000đồng.

3. Án phí hình sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Hoàng Quốc D1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ Giám đốc kiểm tra I-TAND tối cao;
- Viện CT&KSXXPT tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường